TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 23 - 7 - 2018
"V/v tranh chấp về hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phồn
Các thẩm phán: Ông Phạm Văn Phấn
Ông Nguyễn Hữu Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Liên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2018/TLPT-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2018 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân gia đình*"

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 16/2018/QĐ-PT ngày 06 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị L, sinh ngày 16/02/1985.
Địa chỉ: Xóm 13A, xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An.
Có mặt tại phiên tòa
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Vĩnh N, sinh ngày 19/5/1982.
Địa chỉ: Xóm 13A, xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An.
Có mặt tại phiên tòa
3. Người kháng cáo: Bị đơn là anh Nguyễn Vĩnh N

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, trình bày tại bản tự khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu khác có trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị L và anh Nguyễn Vĩnh N cưới nhau vào tháng 10/2006 âm lịch. Quá trình tiến tới hôn nhân, anh chị có quá trình tìm hiểu, hôn nhân trên cơ sở tình yêu, tự nguyện đến với nhau, sau đó tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán được sự đồng ý của hai gia đình, chứng kiến của xóm làng, bạn bè. Trước khi cưới, anh chị đã làm thủ tục kết đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An; được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 50 ngày 24/11/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc; đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu theo chị L trình bày là do anh N thường xuyên ghen tuông vô cớ, thường xuyên có những lời lẽ đe dọa, ngăn cấm chị L đi ra ngoài kể cả đi làm ăn và đi làm công việc khác. Do vậy, vợ chồng thường xuyên cãi cọ, xử sự thiếu tôn trọng nhau, anh N đã nhiều lần đánh đập chị L vì mâu thuẫn trên. Theo anh N, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu dẫn đến chị L yêu cầu ly hôn là do tính tình vợ chồng không hợp, chị L không nghe lời dạy bảo của anh nên vợ chồng đã mâu thuẫn với nhau qua lời nói, sống thiếu tôn trọng nhau dẫn đến hôn nhân đổ vỡ. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hòa giải tại gia đình nhưng không đưa lại kết quả gì, ngược lại đã làm cho cuộc sống chung của vợ chồng bị đảo lộn, gây khó chịu cho nhau. Do vậy vợ chồng đã sống ly thân, cắt đứt quan hệ kể từ ngày 06/10/2017 cho đến nay.

Quá trình hòa giải và tại phiên tòa, chị L xác định đã hết tình cảm, tình thương, tình yêu đối với anh N. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N. Anh N cho rằng, mặc dù vợ chồng mâu thuẫn sâu sắc nhưng anh vẫn còn thương yêu và còn tình cảm với chị L nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh không nhất trí, anh N đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của chị L.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 03/11/2007; cháu Nguyễn Vĩnh Th, sinh ngày 16/10/2012 và cháu Nguyễn Vĩnh Tr, sinh ngày 28/10/2014. Từ ngày vợ chồng sống ly thân, chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu út, anh N trực tiếp nuôi cháu đầu và cháu thứ hai.

Quá trình hòa giải, các bên không thỏa thuận được về việc giao nuôi con, chị L có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi ba con, nếu không được như nguyện vọng thì chị đề nghị giao cháu đầu và cháu út cho chị nuôi, giao cháu thứ hai cho anh N nuôi, chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Nếu ly hôn, anh N đề nghị Tòa án giao cho anh được trực tiếp nuôi ba con chung và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Chị L cho rằng anh N không thể nuôi được ba con vì anh N không có trách nhiệm đối với con chung, từ ngày vợ chồng sống ly thân anh N đã buộc cháu T thôi học ở Trường tiểu học xã M, cháu

Thuận thôi học ở Trường mầm non xã M. Do vậy chị đề nghị Tòa xem xét giao con hợp lý để đảm bảo quyền lợi của con chung vợ chồng.

Về quan hệ tài sản: Chị Đặng Thị L và anh Nguyễn Vĩnh N không yêu cầu tòa án giải quyết.

Với nội dung trên, Bản án sơ thẩm số 12/2018/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử:

Về quan hệ tình cảm: Chị Đặng Thị L được ly hôn anh Nguyễn Vĩnh N

Về quan hệ con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Minh T - sinh ngày 03/11/2007 và cháu Nguyễn Vĩnh Tr- sinh ngày 28/10/2014 cho Chị Đặng Thị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến lúc con chung đủ tuổi trưởng thành.

Giao cháu Nguyễn Vĩnh Th - sinh ngày 16/10/2012 cho anh Nguyễn Vĩnh N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến lúc con chung đủ tuổi trưởng thành.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Vĩnh N cho đến lúc có yêu cầu.

Buộc anh Nguyễn Vĩnh N có nghĩa vụ giao cháu Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 03/11/2007 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Chị Đặng Thị L và anh Nguyễn Vĩnh N có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con chung, không được ai cản trở.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/4/2018, anh Nguyễn Vĩnh N kháng cáo bản án sơ thẩm về phần con chung, anh đề nghị giao cả ba con cho anh trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Vĩnh N vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Chị Nguyễn Thị L không nhất trí với nội dung kháng cáo của anh N, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là anh Nguyễn Vĩnh N, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố dụng dân sự giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn được làm trong thời hạn luật định nên cần được xem xét theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị L và anh Nguyễn Vĩnh N kết hôn với nhau trên cơ sở tình yêu và hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp theo đúng quy định. Tuy nhiên, trong quá sống chung, giữa Chị Đặng Thị L và anh Nguyễn Vĩnh N xảy ra nhiều mâu thuẫn xuất phát từ quan điểm sống của mỗi người trái ngược nhau, vợ chồng không tin tưởng nhau, thường xuyên cãi vã, thiếu sự tôn trọng lẫn nhau nên dẫn đến hôn nhân đổ vỡ. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hòa giải tại gia đình nhưng không đưa lại kết quả. Qua đó cho thấy, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định cho Chị Đặng Thị L được ly hôn anh Nguyễn Vĩnh N là hoàn toàn phù hợp. Sau khi xét xử sơ thẩm, cả chị L và anh N không kháng cáo về quan hệ hôn nhân.

[3] Xét nội dung kháng cáo của anh Nguyễn Vĩnh N về việc đề nghị giao cho anh được trực tiếp nuôi cả ba con và không yêu cầu Chị Đặng Thị L cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Chị Đặng Thị L và anh Nguyễn Vĩnh N có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 03/11/2017; cháu Nguyễn Vĩnh Th, sinh ngày 16/10/2012 và cháu Nguyễn Vĩnh Tr, sinh ngày 28/10/2014. Do quá trình chung sống, giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn nên kể từ ngày 06/10/2017 chị L và anh N đã sống ly thân. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, Chị Đặng Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu út; anh Nguyễn Vĩnh N trực tiếp nuôi cháu đầu và cháu thứ hai. Theo lời trình bày của chị L, chị L không đồng ý để anh N nuôi cả ba con vì anh N không có trách nhiệm đối với con chung, kể từ ngày vợ chồng sống ly thân anh N đã buộc cháu T thôi học ở Trường tiểu học xã M, cháu Th thôi học ở Trường mầm non xã M. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh N thừa nhận việc anh đã cho cháu T và cháu Th nghỉ học ở trường vì lý do anh không có điều kiện đưa đón các con, sợ con sẽ gặp nguy hiểm, nhưng lý do này là không có cơ sở, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền được chăm sóc, quyền được học tập và lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên. Tại phiên tòa, anh N trình bày ngoài làm ruộng, anh N còn làm thêm công việc khác, thu nhập khoảng 3.500.000 đ/tháng – 4.000.000đ/tháng

Theo Biên bản xác minh của Tòa án cấp sơ thẩm tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Y thì anh N và chị L có nghề nghiệp chính là làm ruộng. Ngoài làm ruộng ra thì anh N không còn làm thêm công việc gì khác. Chị L làm công nhân may tại xã S, huyện Đ, thu nhập của chị L trung bình mỗi tháng 6.000.000 đồng.

Tại phiên tòa chị L trình bày, chị có nguyện vọng nuôi cả ba con nhưng nếu không được như nguyện vọng thì chị đề nghị được nuôi cháu đầu và cháu út như án sơ thẩm đã giải quyết, vì chị có điều kiện chăm sóc các con hơn và đảm bảo được việc học cho các con.

Theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Khi ly hôn vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; Trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*."

Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu Nguyễn Thị Minh T trình bày cháu có nguyện vọng được ở với mẹ để được đi học.

Như vậy, từ những phân tích trên thấy rằng không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Vĩnh N, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm. Giao cháu đầu và cháu út cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giao cháu thứ hai cho anh Nguyễn Vĩnh N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là hoàn toàn phù hợp.

Hiện nay, cháu Nguyễn Thị Minh T đang sinh sống trực tiếp với anh N, anh N không tự nguyện giao con cho chị Lnuôi nên cần buộc anh N có nghĩa vụ giao con chung là cháu Nguyễn Thị Minh T cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[4] Về án phí: Do nội dung kháng cáo không được chấp nhận nên anh Nguyễn Vĩnh N phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Vĩnh N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử:

Về quan hệ con cái: Giao cháu Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 03/11/2007 và cháu Nguyễn Vĩnh Tr, sinh ngày 28/10/2014 cho Chị Đặng Thị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Giao cháu Nguyễn Vĩnh Th, sinh ngày 16/10/2012 cho anh Nguyễn Vĩnh N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Vĩnh N cho đến lúc có yêu cầu.

Buộc anh Nguyễn Vĩnh N có nghĩa vụ giao cháu Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 03/11/2007 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Chị Đặng Thị L và anh Nguyễn Vĩnh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không được ai cản trở.

*Về án phí: Anh Nguyễn Vĩnh N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng là số tiền mà anh N đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003393 ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện Yên Thành;
- Chi cục THADS huyện Yên Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đăng Phồn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Hà **Phạm Văn Phấn** **Nguyễn Đăng Phồn**